CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Sơn Tổng hợp Hà Nội

Ngày 28/06/2024	12,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-2.2%**	**5.5%**

DT thuần
Q2/24
104
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.0| 14.6%
YoY: ▲ 1.00| 1.2%

LN thuần
Q2/24
4.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.60| 50.1%
YoY: ▼0.64| -11.7%

LN sau thuế
Q2/24
3.84
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.31| 51.8%
YoY: ▼0.48| -11.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
4.6%
YoY: +/-▲ 1.1%

ROE (TTM)
Q2/24
9.0%
YoY: +/-▲ 0.1%

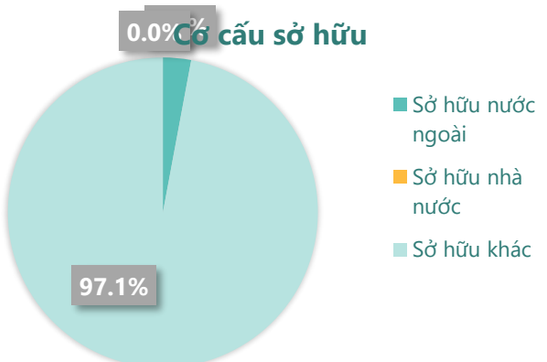
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,022 - 13,319
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	149
Số lượng CPLH (CP)	12,027,086
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	2.9%
Beta	0.07
EPS	1,362
P/E	9.1

DT thuần
6T 2024
195
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.0| -4.8%

LN thuần
6T 2024
8.00
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.37| -4.5%

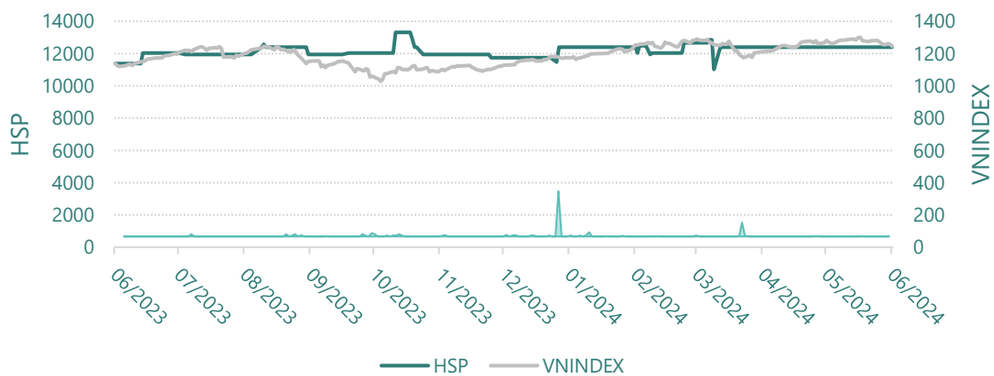
LN sau thuế
6T 2024
6.37
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.28| -4.2%

Cơ cấu sở hữu

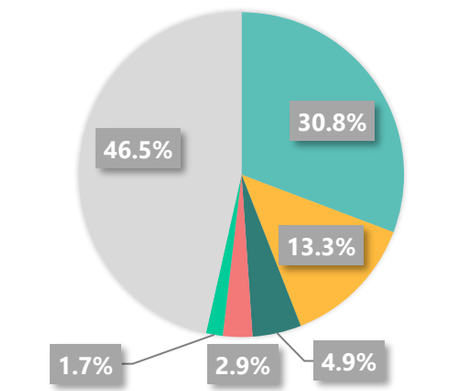


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

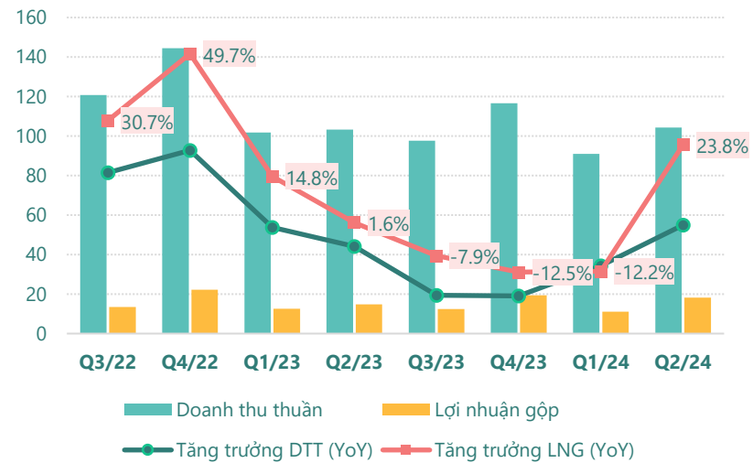


- Công ty TNHH Quản lý đầu tư HAP Việt Nam
- Tôn Nữ Cẩm Vân
- Nguyễn Ngọc Anh (Tổng giám đốc)
- Kawakami Paint Co., Ltd
- Nguyễn Thiện Ái (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

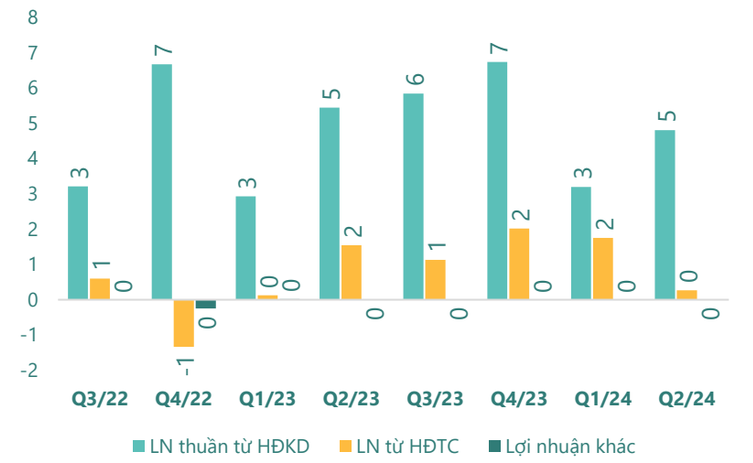
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



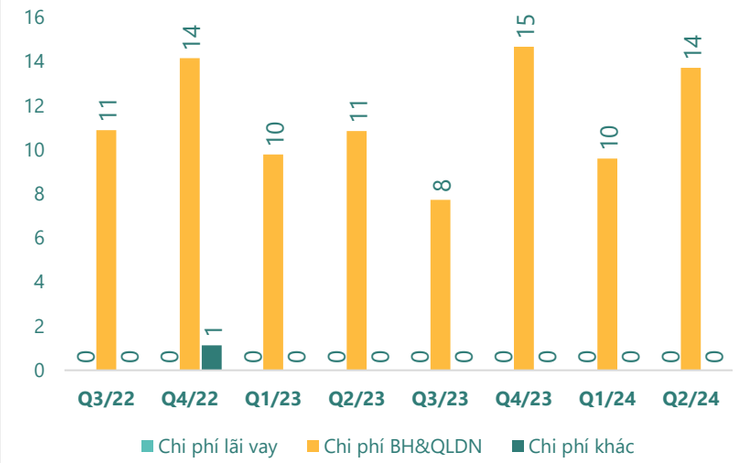
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



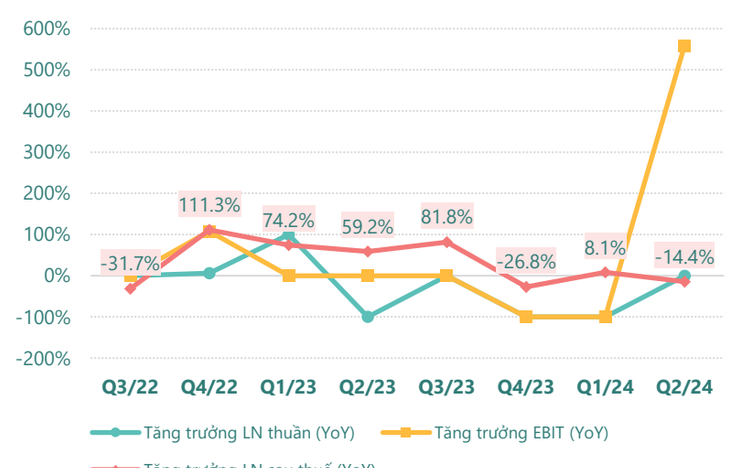
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



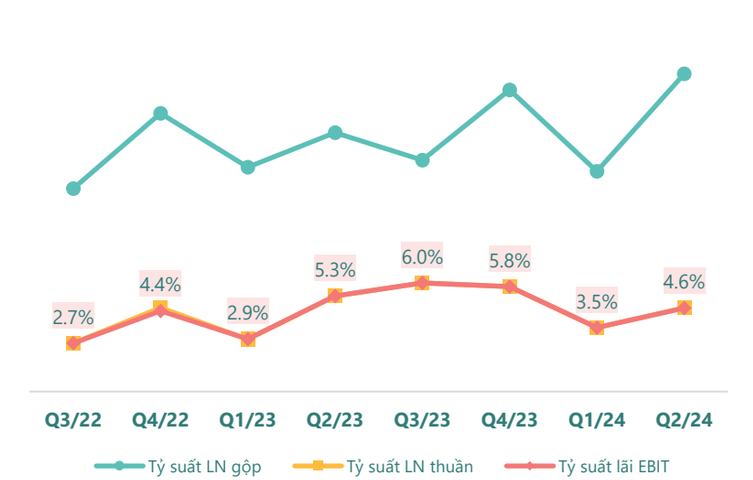
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



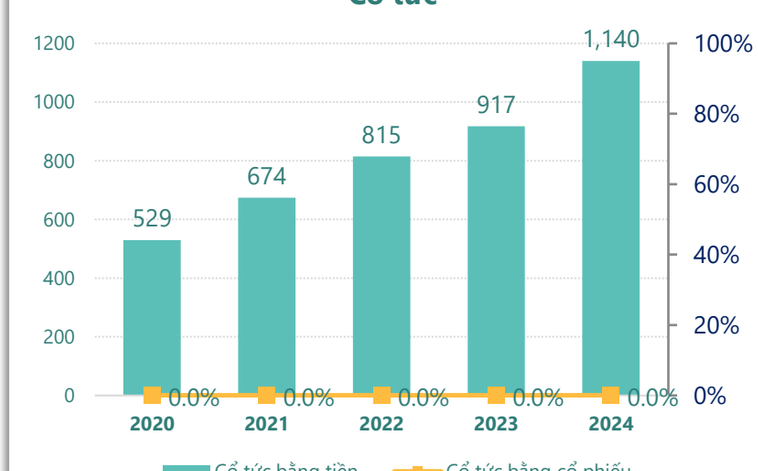
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

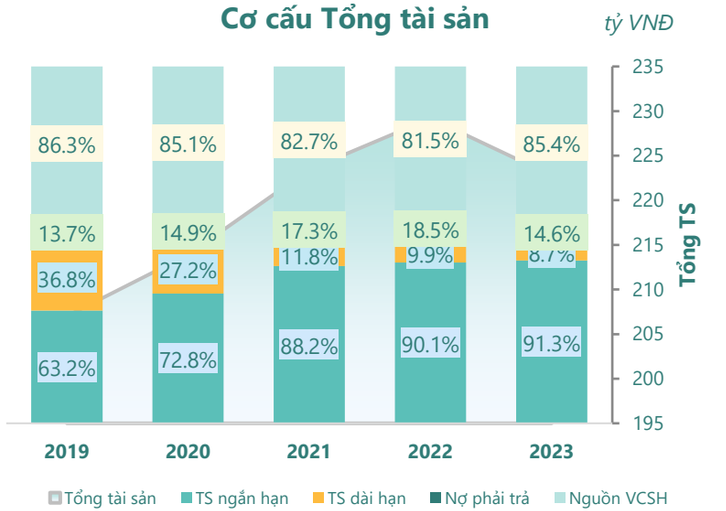
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

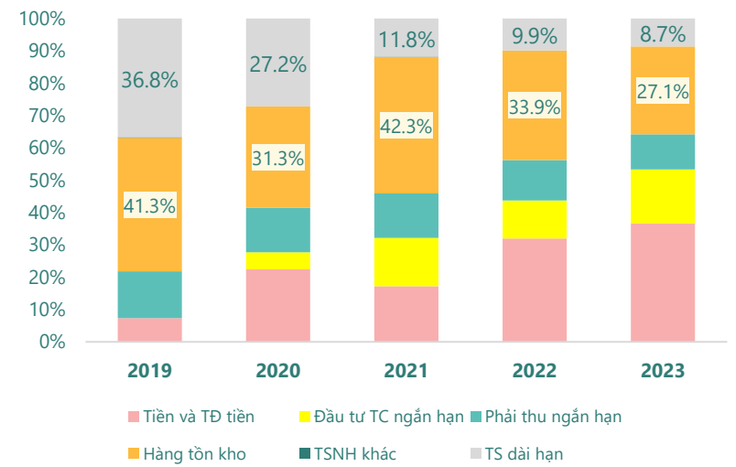
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



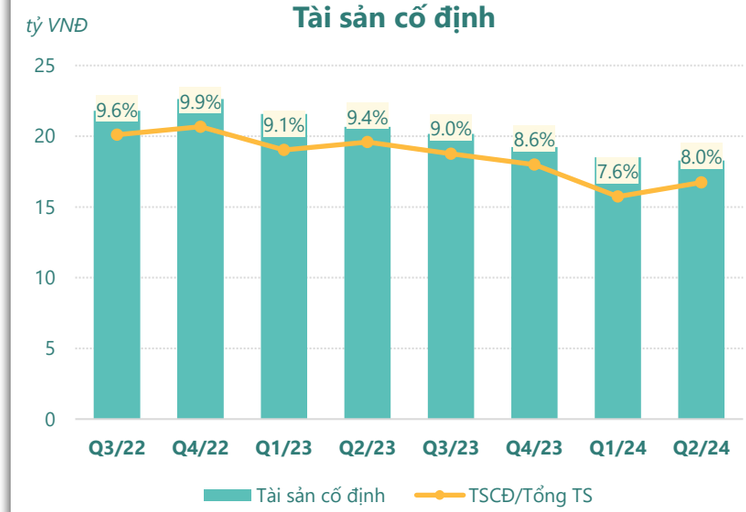
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



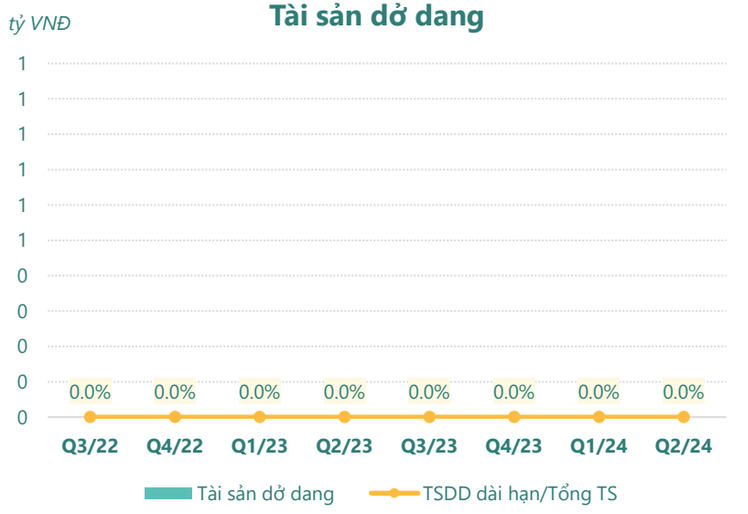
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



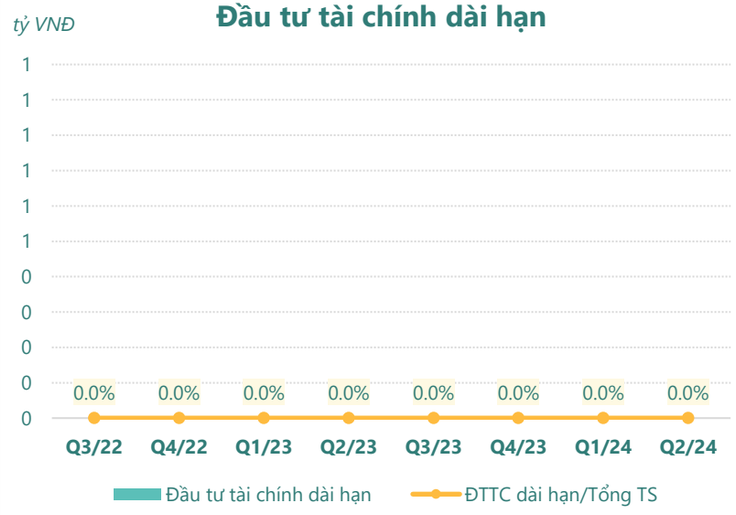
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



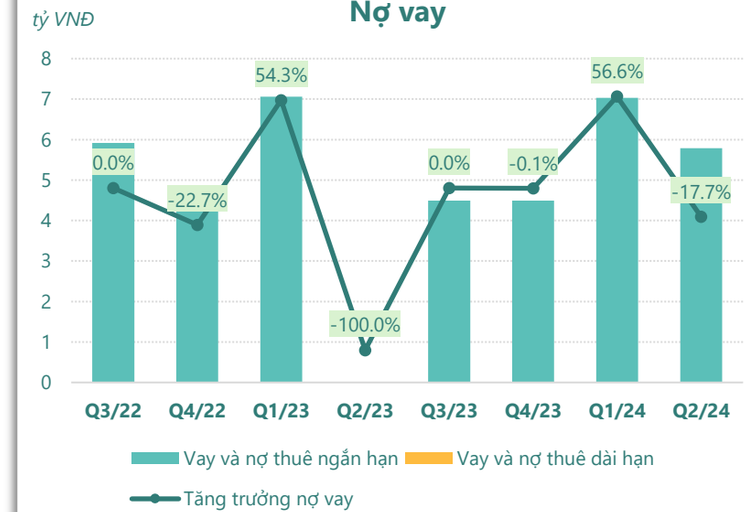
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

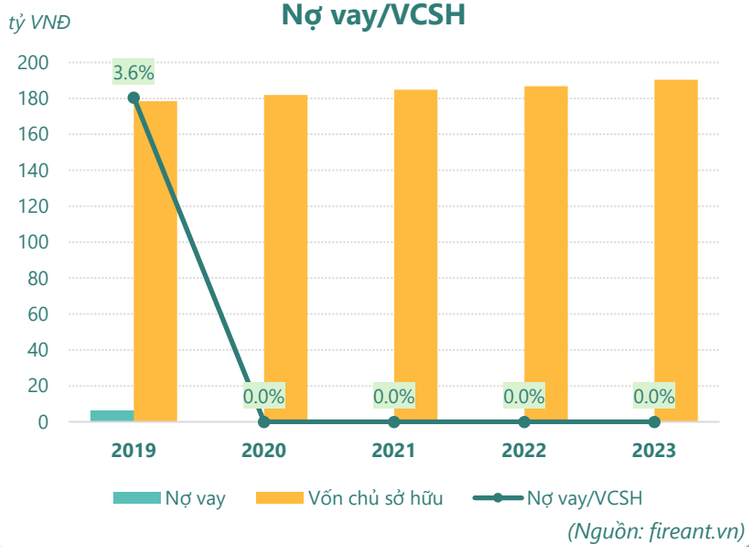
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

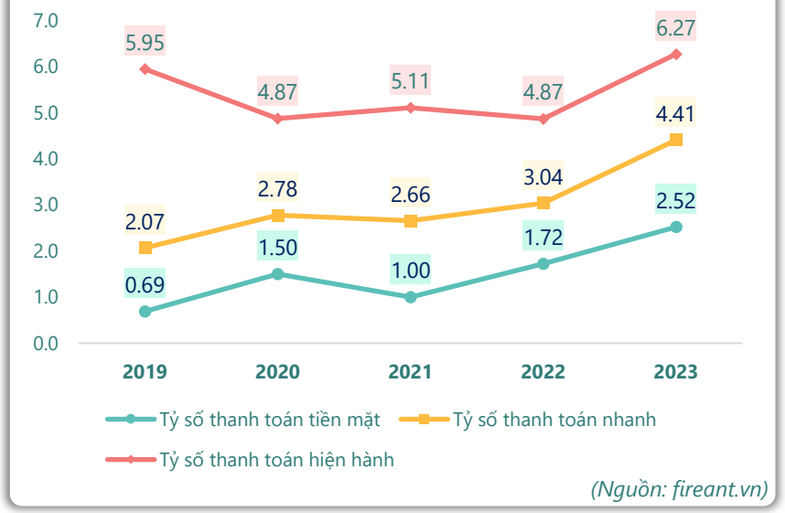
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



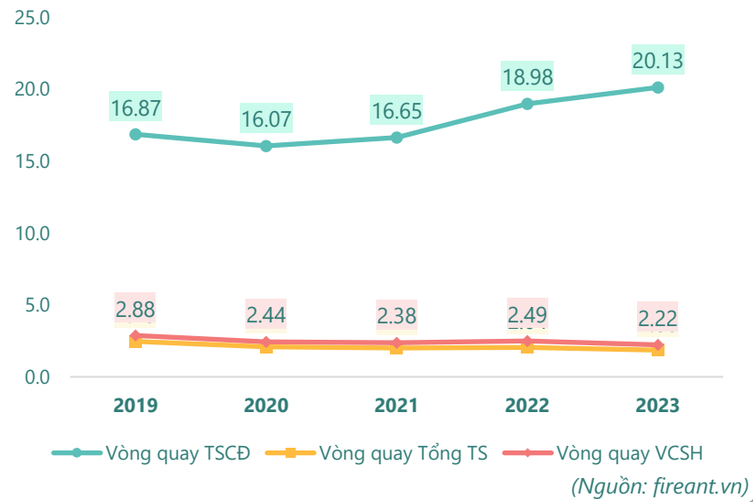
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



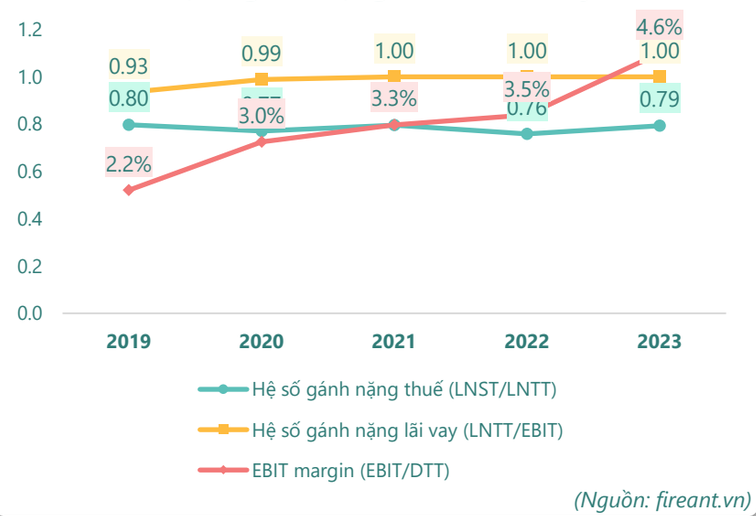
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



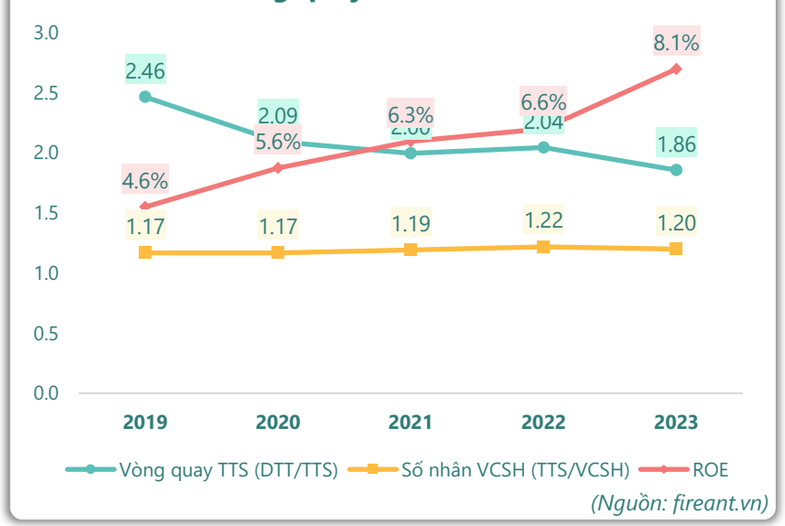
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



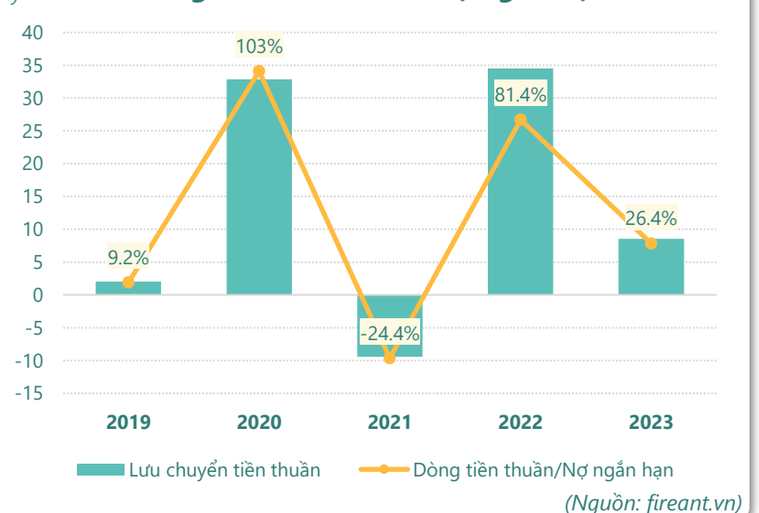
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**104**	**103**	**1.2%**	**195**	**205**	**-4.8%**
Giá vốn hàng bán	86.0	88.6	-2.9%	166	178	-6.7%
Lợi nhuận gộp	18.3	14.7	24.2%	29.3	27.3	7.2%
Doanh thu HĐTC	0.27	1.54	-82.6%	2.02	1.67	21.0%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.21	2.38	76.8%	7.10	6.80	4.4%
Chi phí QLDN	**9.51**	**8.47**	**12.3%**	**16.2**	**13.8**	**17.3%**
LN thuần từ HĐKD	4.80	5.44	-11.7%	8.00	8.37	-4.5%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.00**	**0.02**	**-123%**
LN trước thuế	4.80	5.44	-11.8%	8.00	8.39	-4.7%
Lợi nhuận sau thuế	**3.84**	**4.32**	**-11.1%**	**6.37**	**6.65**	**-4.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.84**	**4.32**	**-11.1%**	**6.37**	**6.65**	**-4.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.8	-23.1	-5.01	26.6	27.9	-34.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.86	0.02	1.35	-5.18	6.75	-9.66
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	63.1	71.0	47.9	44.3	65.7	100
Lưu chuyển tiền thuần	**7.91**	**-23.1**	**-3.66**	**21.4**	**34.6**	**-43.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	71.0	47.9	44.3	65.7	100	56.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**228**	**223**	**2.2%**
Tài sản ngắn hạn	209	203	2.9%
Tiền và tương đương tiền	67.5	81.7	-17.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.0	37.0	27.0%
Phải thu ngắn hạn	40.5	24.2	67.3%
Hàng tồn kho	54.2	60.5	-10.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**18.4**	**19.4**	**-5.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	18.3	19.2	-4.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.12**	**0.13**	**-7.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	45.4	32.4	40.0%
Nợ ngắn hạn	**45.4**	**32.4**	**40.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.79	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	23.0	10.0	129%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**182**	**190**	**-4.3%**
Vốn chủ sở hữu	**182**	**190**	**-4.3%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)